

Bản án số: 126/2025/DS-ST
Ngày 29-5-2025
V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Công Tâm; Ông Nguyễn Văn Hôn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2025/TLST - DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66A/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm: 1969; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Phạm Mạnh H, sinh năm: 1990; địa chỉ liên hệ: 768D ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Ông Hàn Dũng Q, sinh năm: 1978; địa chỉ liên hệ: 95F khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; có mặt.

2/ Bị đơn: Ông Võ Văn L, sinh năm: 1968; địa chỉ: 3 ấp B, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, biên bản phiên họp, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà Nguyễn Thị Tuyết M) là ông Hàn Dũng Q trình bày:

Ngày 17/10/2022 âm lịch (ngày 10/11/2022 dương lịch) bà M có cho ông L vay số tiền 150.000.000đồng, hai bên có làm tờ thỏa thuận đề ngày 17/10/2022 âm lịch, thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất là 1,7%/tháng (trả lãi hàng tháng), mục đích ông L vay tiền là để làm cây giống. Để đảm bảo cho việc vay tiền ông L có giao cho bà Mai M1 giấy chứng nhận QSD đất có số vào sổ cấp GCN: CH05684 cấp ngày 27/11/2014 do ông L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hai bên thỏa thuận sau khi kết thúc hợp đồng thì bà M phải trả lại giấy chứng nhận QSD đất này cho ông L.

Sau khi hết thời hạn cho vay, bà M nhiều lần liên hệ yêu cầu ông L thanh toán tiền lãi cũng như nợ gốc nhưng ông L không hợp tác.

Nay bà M yêu cầu giải quyết như sau:

- Buộc ông Võ Văn L có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết M tổng số tiền nợ gốc là 150.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/11/2022 đến khi xét xử (tính tròn 30 tháng) theo mức lãi suất là 1,6%/tháng = 72.000.000đồng, ngoài ra bà M không còn yêu cầu gì khác.

- Bà M đồng ý trả lại cho ông L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCN: CH05684 cấp ngày 27/11/2014 cho ông Võ Văn L.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn là ông Võ Văn L vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Đây là quan hệ pháp luật về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Tuyết M khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[2] Mặc dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn là ông Võ Văn L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt ông L là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc: Bà M yêu cầu ông L trả số nợ gốc là 150.000.000đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà M có cung cấp “Tờ thỏa thuận” ngày 17/10/2022 âm lịch.

Xét tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, hội đồng xét xử nhận thấy: “*Tờ thỏa thuận*” ngày 17/10/2022 âm lịch có chữ ký tên và chữ viết ghi họ tên của ông L bên dưới mục “*Người nhận tiền*”, có chữ ký tên và chữ viết ghi họ tên của người làm chứng là ông Nguyễn Thành T. Do đó, bà M yêu cầu ông L có nghĩa vụ trả nợ cho bà M là có cơ sở nên cần chấp nhận.

Mặt khác, trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông L vắng mặt và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của bà M (mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt) nên ông L phải chịu trách nhiệm do việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCN: CH05684 cấp ngày 27/11/2014 cho ông L, do hai bên thỏa thuận giao cho bà M giữ với mục đích để đảm bảo cho khoản vay, không có thỏa thuận gì liên quan đến việc thế chấp

quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã nhận cho bị đơn nên cần ghi nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi:

Bà M khởi kiện yêu cầu ông L trả lãi đối với số tiền đã vay theo mức lãi suất 1,6%/tháng kể từ ngày 10/11/2022 (ngày cho vay tiền) cho đến khi giải quyết xong vụ kiện. Xét thấy, đây là khoản vay có thời hạn và có lãi, bà M yêu cầu ông L trả lãi đối với tổng số tiền vay tính từ thời điểm cho vay cho đến ngày giải quyết xong vụ kiện (yêu cầu tính tròn 30 tháng) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

Tiền lãi được tính cụ thể như sau: $150.000.000\text{đồng} \times 1,6\%/\text{tháng} \times 30\text{ tháng} = 72.000.000\text{đồng}$.

Tổng số tiền gốc và tiền lãi ông L có nghĩa vụ trả cho bà M là: $150.000.000\text{đồng} + 72.000.000\text{đồng} = 222.000.000\text{đồng}$.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Bà Nguyễn Thị Tuyết M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Ông Võ Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch $5\% \times 222.000.000\text{đồng} = 11.100.000\text{đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466 và điều 468 của Bộ luật dân sự; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Tuyết M đối với bị đơn là ông Võ Văn L.

Buộc bị đơn là ông Võ Văn L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết M tổng số tiền nợ là 222.000.000đ (hai trăm hai mươi hai triệu đồng), trong đó bao gồm 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc và 72.000.000đ (bảy mươi hai triệu đồng) tiền lãi.

[2] Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Tuyết M về việc trả lại cho ông Võ Văn L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCN: CH05684 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp ngày 27/11/2014 cho ông Võ Văn L.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1] Bà Nguyễn Thị Tuyết M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 5.190.000đ (năm triệu một trăm chín mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008823 ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

[3.2] Ông Võ Văn L có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.100.000đ (mười một triệu một trăm ngàn đồng).

[4] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Tuyết M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Võ Văn L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[6] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C (01 bản);
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án(01 bản), Vp(01 bản), Bp(01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyên

